

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 044/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Đường liên xã Hưng – Thịnh – Hà – Lộc – Trung, huyện Cẩm Xuyên
(đoạn qua xã Cẩm Lộc) thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng cho các xã bị
ảnh hưởng bởi ngập lụt tỉnh Hà Tĩnh, vốn vay Quỹ Ảp Xêút

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa
phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản
lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính
phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy
định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 Quy định một
số nội dung về quản lý, thực hiện dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 16/9/2020 của UBND tỉnh về
việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đường liên xã
Hưng – Thịnh – Hà – Lộc – Trung, huyện Cẩm Xuyên (đoạn qua xã Cẩm Lộc)
thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng cho các xã bị ảnh hưởng bởi ngập lụt tỉnh
Hà Tĩnh, vốn vay Quỹ Ảp Xêút;

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và
công nghiệp tỉnh tại Tờ trình số 189/TTr-DDCN ngày 28/10/2021; của Sở Tài
chính tại Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành số 1359/BC-STC
ngày 20/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

- Tên công trình: Đường liên xã Hưng – Thịnh – Hà – Lộc – Trung, huyện
Cẩm Xuyên (đoạn qua xã Cẩm Lộc) thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng cho các
xã bị ảnh hưởng bởi ngập lụt tỉnh Hà Tĩnh, vốn vay Quỹ Ảp Xêút.

- Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư XD công trình DD và CN tỉnh.

- Địa điểm xây dựng: xã Cẩm Lộc, huyện Cẩm Xuyên.

- Thời gian khởi công: Tháng 12/2020; hoàn thành: Tháng 10/2021.

Điều 2. Kết quả đầu tư:**1. Nguồn vốn đầu tư:***Đơn vị tính: Đồng*

| Tên nguồn vốn | TMĐT được duyệt | Giá trị quyết toán | Thực hiện | |
|------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | | | Đã thanh toán | Còn được Thanh toán |
| Tổng cộng | 5.006.737.000 | 4.140.452.000 | 3.098.439.000 | 1.042.013.000 |
| - Nguồn NSNN | 5.006.737.000 | 4.140.452.000 | 3.098.439.000 | 1.042.013.000 |
| + Nguồn ODA | - | - | - | - |
| + Vốn đối ứng | 5.006.737.000 | 4.140.452.000 | 3.098.439.000 | 1.042.013.000 |

2. Chi phí đầu tư:*Đơn vị tính: Đồng*

| Nội dung | Tổng dự toán | Giá trị quyết toán |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Tổng số | 5.006.737.000 | 4.140.452.000 |
| Chi phí xây dựng | 3.814.685.000 | 3.709.961.000 |
| Chi phí QLDA | 100.913.000 | 100.913.000 |
| Chi phí tư vấn | 361.042.000 | 310.927.000 |
| Chi phí khác | 93.455.000 | 18.651.000 |
| Chi phí bồi thường, GPMB | 454.936.000 | 0 |
| Chi phí dự phòng | 181.706.000 | 0 |

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không**4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: 4.140.452.000 đồng***Đơn vị tính: Đồng*

| Nội dung | Thuộc Chủ đầu tư quản lý | | Giao đơn vị khác quản lý | |
|---------------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|
| | Giá trị thực tế | Giá trị quy đổi | Giá trị thực tế | Giá trị quy đổi |
| Tổng số: | - | - | 4.140.452.000 | - |
| 1- Tài sản dài hạn | - | - | 4.140.452.000 | - |
| 2- Tài sản ngắn hạn | - | - | 0 | - |

5. Vật tư tồn đọng: Không**Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các cơ quan liên quan:****1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư**

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: Đồng

| Nguồn vốn | Số tiền | Ghi chú |
|------------------------------|----------------------|---------|
| Tổng cộng | 4.140.452.000 | |
| - Vốn ODA | - | |
| - Vốn đối ứng từ NSNN (NSDP) | 4.140.452.000 | |

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày khóa sổ, lập báo cáo quyết toán là:
- + Tổng nợ phải thu: Không.
- + Tổng nợ phải trả: 1.042.013.000 đồng (vốn đối ứng NSNN).

(Chi tiết công nợ có phụ lục kèm theo)

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: Đồng

| Tên đơn vị tiếp nhận tài sản | Tài sản dài hạn/cố định | Tài sản ngắn hạn |
|----------------------------------|-------------------------|------------------|
| UBND xã Cẩm Lộc, huyện Cẩm Xuyên | 4.140.452.000 | Không |

3. Trách nhiệm các đơn vị liên quan:

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm chính, phối hợp với Kho bạc Nhà nước và các đơn vị có liên quan thanh toán số tiền còn thiếu cho các đơn vị liên quan khi có kế hoạch vốn bố trí cho dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh (chủ đầu tư); Chủ tịch UBND huyện Cẩm Xuyên, Chủ tịch UBND xã Cẩm Lộc (đơn vị tiếp nhận quản lý tài sản) và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm CB - TH tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KI. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh

CHI TIẾT CÔNG NỢ

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG LIÊN XÃ HÙNG - THỊNH - HÀ - LỘC - TRUNG, HUYỆN CẨM XUYÊN (ĐOẠN QUA XÃ CẨM LỘC), THUỘC DỰ ÁN CẢI THIỆN CƠ SỞ HẠ TẦNG CÁC XÃ VÙNG NGẬP LỤT TỈNH HÀ TĨNH, NHẪM ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

(Kèm theo Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Đơn vị tính: Đồng

| TT | Tên đơn vị thực hiện | Nội dung công việc | Giá trị quyết toán | Đã chi trả | Công nợ tồn đọng đến ngày lập báo cáo quyết toán | |
|------------|--|------------------------|----------------------|----------------------|--|----------|
| | | | | | Phải trả | Phải thu |
| | TỔNG SỐ | | 4.140.452.000 | 3.098.439.000 | 1.042.013.000 | 0 |
| I | Chi phí xây dựng | | 3.709.961.000 | 2.862.800.000 | 847.161.000 | 0 |
| 1 | Công ty CP công nghệ kỹ thuật Vinabuild | Xây dựng Công trình | 3.709.961.000 | 2.862.800.000 | 847.161.000 | 0 |
| II | Chi phí Quản lý dự án | | 100.913.000 | 0 | 100.913.000 | 0 |
| 1 | Ban QLDA ĐTXD công trình DD CN tỉnh | Chi phí quản lý dự án | 100.913.000 | 0 | 100.913.000 | 0 |
| III | Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng | | 310.927.000 | 222.407.000 | 88.520.000 | 0 |
| 1 | Cty TNHH Đầu tư XD và PT Hạ tầng Mitraco | Khảo sát, lập BCKTKT | 180.881.000 | 162.793.000 | 18.088.000 | 0 |
| 2 | Công ty CP tư vấn xây dựng Anh Sơn | Giám sát thi công | 119.404.000 | 59.614.000 | 59.790.000 | 0 |
| 3 | Ban QLDA ĐTXD công trình DD CN tỉnh | Lựa chọn nhà thầu | 10.642.000 | 0 | 10.642.000 | 0 |
| IV | Chi phí khác | | 18.651.000 | 13.232.000 | 5.419.000 | 0 |
| 1 | Công ty Bảo hiểm MIC Nghệ An | Bảo hiểm công trình | 9.537.000 | 9.537.000 | - | 0 |
| 2 | Sở Giao thông Vận tải | Thẩm định KTKT | 3.695.000 | 3.695.000 | - | 0 |
| 3 | Sở Tài Chính | Thẩm tra, phê duyệt QT | 5.419.000 | 0 | 5.419.000 | 0 |

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH